

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

(*Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam*)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch
Ông Đỗ Nghĩa	Thành viên
Bà Chu Thị Chung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2009)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2009)
Bà Đinh Thị Thủy	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đăng Văn Vĩnh	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2009)
Ông Nguyễn Đức Thiện	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2009)
Ông Trần Quang Đán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Đán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2009)
Ông Trần Kiêm Hân	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2009 và miễn nhiệm vào ngày 1 tháng 11 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Số. 177 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày kèm theo của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"). Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 8 tháng 3 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV



BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		68.494.828.112	29.804.447.039
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	36.053.940.395	14.589.526.362
1. Tiền	111		12.053.940.395	1.864.088.543
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.000.000.000	12.725.437.819
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	7.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.968.120.773	4.013.030.387
1. Phải thu khách hàng	131		23.774.509.912	3.834.235.264
2. Trả trước cho người bán	132		8.460.000	-
3. Các khoản phải thu khác	135		1.185.150.861	178.795.123
IV. Hàng tồn kho	140	7	372.266.944	168.907.978
1. Hàng tồn kho	141		372.266.944	168.907.978
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		100.500.000	1.032.982.312
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	434.700.893
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	436.102.419
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		100.500.000	162.179.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.392.402.889	67.616.249.177
I. Tài sản cố định	220		104.474.454.436	66.223.222.901
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	103.830.519.854	62.837.483.218
- <i>Nguyên giá</i>	222		114.094.620.446	65.148.563.414
- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.264.100.592)	(2.311.080.196)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	18.707.535	25.510.275
- <i>Nguyên giá</i>	228		34.013.700	34.013.700
- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(15.306.165)	(8.503.425)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	625.227.047	3.360.229.408
II. Tài sản dài hạn khác	260		917.948.453	1.393.026.276
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	395.943.215	663.799.026
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	391.955.238	599.177.250
3. Tài sản dài hạn khác	268		130.050.000	130.050.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			173.887.231.001	97.420.696.216

BẢNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		100.616.557.796	36.381.788.763
I. Nợ ngắn hạn	310		50.566.217.622	14.700.464.862
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	24.232.938.009	-
2. Phải trả người bán	312		20.336.353.681	8.362.770.832
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	801.416.056	55.235.531
4. Phải trả người lao động	315		1.854.262.785	333.398.726
5. Chi phí phải trả	316		2.867.364.133	4.722.334.133
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		473.882.958	1.226.725.640
II. Nợ dài hạn	330		50.050.340.174	21.681.323.901
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	49.976.408.102	21.556.941.201
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		73.932.072	124.382.700
B. NGUỒN VỐN	400		73.270.673.205	61.038.907.453
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	73.270.673.205	61.038.907.453
1. Vốn điều lệ	411		67.200.000.000	67.200.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	420		6.070.673.205	(6.161.092.547)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		173.887.231.001	97.420.696.216



Đặng Văn Vĩnh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 8 tháng 3 năm 2010

Lê Thị Thu Giang
 Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2009	2008
1. Doanh thu gộp	01		75.687.354.269	7.866.382.436
2. Doanh thu thuần	10		75.687.354.269	7.866.382.436
3. Giá vốn hàng bán	11		(50.606.568.004)	(7.102.101.957)
4. Lợi nhuận gộp	20		25.080.786.265	764.280.479
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	2.092.605.022	1.504.989.426
6. Chi phí tài chính	22	18	(4.087.516.484)	(1.260.335.881)
7. Chi phí bán hàng	24		(1.931.392.315)	(1.757.271.060)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(7.603.527.162)	(4.101.476.384)
9. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		13.550.955.326	(4.849.813.420)
10. Thu nhập khác	31		-	128.895.369
11. Chi phí khác	32		(1.111.967.562)	(350.663.413)
12. Lỗ khác	40		(1.111.967.562)	(221.768.044)
13. Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		12.438.987.764	(5.071.581.464)
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	19	-	-
15. Chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	12	(207.222.012)	599.177.250
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	60		12.231.765.752	(4.472.404.214)
17. Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu	70	20	<u>1.820</u>	<u>(666)</u>



Đặng Văn Vĩnh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 8 tháng 3 năm 2010

Lê Thị Thu Giang
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	12.438.987.764	(5.071.581.464)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.959.823.136	2.272.007.131
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	370.664.168	45.000.563
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.075.542.326)	(1.405.063.454)
Chi phí lãi vay	06	4.299.545.118	1.148.482.417
3. Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22.993.477.860	(3.011.154.807)
Tăng các khoản phải thu	09	(17.201.739.485)	(14.312.560.701)
Tăng hàng tồn kho	10	(203.358.966)	(163.466.978)
Tăng các khoản phải trả	11	2.763.479.671	21.072.825.212
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	702.556.704	(970.588.829)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.299.545.118)	(1.095.538.372)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	61.679.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(265.605.931)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.816.549.666	1.253.909.594
II. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(37.392.170.219)	(74.228.031.927)
2. Thu lãi tiền gửi	27	1.758.293.844	1.405.063.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(35.633.876.375)	(72.822.968.473)
III. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Nhận vốn góp của cổ đông	31	-	53.629.680.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	80.073.451.193	26.495.007.169
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27.793.042.430)	(4.993.741.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	52.280.408.763	75.130.945.669
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	21.463.082.054	3.561.886.790
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.589.526.362	11.016.964.603
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1.331.979	10.674.969
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	36.053.940.395	14.589.526.362

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định không bao gồm số tiền 8.818.884.452 đồng (năm 2008: 7.070.020.449 đồng), là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.

Đặng Văn Vinh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 8 tháng 3 năm 2010

Lê Thị Thu Giang

Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính***MẪU B 09-DN****1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần với thời gian hoạt động trong vòng 20 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Các cổ đông chính của Công ty là Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí (sở hữu 27,00% vốn điều lệ) và Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sở hữu 34,02% vốn điều lệ), được thành lập tại Việt Nam và IEV Energy SDN.BHD (sở hữu 12,00% vốn điều lệ), được thành lập tại Malaysia. Các cổ đông khác sở hữu 26,98% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 104 người (năm 2008: 82 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG và LNG, quy mô 50.000.000 m³/năm; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG và LNG.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Số 35I, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ tăng 370.664.168 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ có một số dư nợ với một số tiền tương đương.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ánh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	10

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Số 351, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong năm (5) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ năm tài chính đầu tiên của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ loại nhỏ, và các thiết bị văn phòng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Số 35I, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ

Thuế thu nhập hoãn lại, nếu có, được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại, nếu có, được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tiền mặt	213.160.062	22.261.694
Tiền gửi ngân hàng	11.840.780.333	1.841.826.849
Các khoản tương đương tiền	<u>24.000.000.000</u>	<u>12.725.437.819</u>
	<u>36.053.940.395</u>	<u>14.589.526.362</u>

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng với lãi suất được hưởng từ 8,2% đến 10,49% (năm 2008: 6,0% đến 10,2%) hàng năm.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng và hưởng lãi suất 10,49% (năm 2008: 13%) hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Số 35I, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Nguyên vật liệu	154.662.805	-
Công cụ, dụng cụ	9.697.980	-
Thành phẩm	207.906.159	168.907.978
	<u>372.266.944</u>	<u>168.907.978</u>

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2009	1.188.465.960	35.946.569.832	510.647.554	27.502.880.068	65.148.563.414
Tăng	-	-	182.716.190	-	182.716.190
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	22.105.068.426	-	26.658.272.416	48.763.340.842
Tại ngày 31/12/2009	<u>1.188.465.960</u>	<u>58.051.638.258</u>	<u>693.363.744</u>	<u>54.161.152.484</u>	<u>114.094.620.446</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2009	39.615.532	1.351.760.418	113.153.827	806.550.419	2.311.080.196
Khäu hao trong năm	118.846.596	4.346.285.770	137.803.448	3.350.084.582	7.953.020.396
Tại ngày 31/12/2009	<u>158.462.128</u>	<u>5.698.046.188</u>	<u>250.957.275</u>	<u>4.156.635.001</u>	<u>10.264.100.592</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2009	<u>1.030.003.832</u>	<u>52.353.592.070</u>	<u>442.406.469</u>	<u>50.004.517.483</u>	<u>103.830.519.854</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>1.148.850.428</u>	<u>34.594.809.414</u>	<u>397.493.727</u>	<u>26.696.329.649</u>	<u>62.837.483.218</u>

Theo trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thể chấp tất cả tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 103.830.519.854 đồng (năm 2008: 62.837.483.218 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Công ty.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Phần mềm kế toán
VND

NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2009 và 31/12/2009	34.013.700
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2009	8.503.425
Khäu hao trong năm	6.802.740
Tại ngày 31/12/2009	<u>15.306.165</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2009	<u>18.707.535</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>25.510.275</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2009 VND	2008 VND
Số dư đầu năm	3.360.229.408	249.552.243
Tăng	46.028.338.481	65.402.824.088
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	<u>(48.763.340.842)</u>	<u>(62.292.146.923)</u>
Số dư cuối năm	<u>625.227.047</u>	<u>3.360.229.408</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2009 VND	2008 VND
Số dư đầu năm	663.799.026	107.144.873
Tăng	22.004.743	896.569.248
Phân bổ vào chi phí trong năm	<u>(289.860.554)</u>	<u>(339.915.095)</u>
Số dư cuối năm	<u>395.943.215</u>	<u>663.799.026</u>

12. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoán lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoán lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	Dự phòng trợ cấp mất việc làm VND	Các khoản lỗ tính thuế VND	Tổng VND
Tại ngày 1/1/2008	-	-	-
Chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm	10.563.290	588.613.960	599.177.250
Tại ngày 31/12/2008	10.563.290	588.613.960	599.177.250
Phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm	(12.708.922)	(194.513.090)	(207.222.012)
Tại ngày 31/12/2009	(2.145.632)	394.100.870	391.955.238

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 3.941.008.702 đồng (năm 2008: 5.886.139.601 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoán lại đã được ghi nhận cho toàn bộ khoản lỗ trên.

Khoản lỗ của Công ty sẽ hết hạn chuyển theo lịch biểu sau:

Năm	Số lỗ được chuyển VND
2013	3.941.008.702
	<u>3.941.008.702</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Số 351, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2009 <u>VND</u>	31/12/2008 <u>VND</u>
Nợ ngắn hạn	13.201.347.968	-
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>11.031.590.041</u>	<u>-</u>
	<u>24.232.938.009</u>	<u>-</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Khoản vay này có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2010. Khoản vay này không có bảo đảm và chịu lãi với lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cộng 2,52%. Lãi suất cho mỗi lần giải ngân với kỳ hạn 3 tháng hoặc ít hơn sẽ được trả sau vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước thể hiện chủ yếu số thuế giá trị gia tăng đầu ra phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tại ngày 6 tháng 5 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Khoản vay này có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ với hạn mức tín dụng là 5.491.757 đô la Mỹ và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 7 năm 2012. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất một tháng bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 0,4% đối với đô la Mỹ và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 0,5% đối với đồng Việt Nam. Công ty đã thế chấp tất cả tài sản với giá trị còn lại tương đương 103.830.519.854 đồng (năm 2008: 62.837.483.218 đồng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 làm đảm bảo cho khoản vay. Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2009 <u>VND</u>	31/12/2008 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	11.031.590.041	-
Trong năm thứ hai	11.031.590.041	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	26.882.674.886	21.556.941.201
Sau năm năm	<u>12.062.143.175</u>	<u>-</u>
	<u>61.007.998.143</u>	<u>21.556.941.201</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(11.031.590.041)</u>	<u>-</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>49.976.408.102</u>	<u>21.556.941.201</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Số 351, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Được phép phát hành:		
Số lượng - cổ phần	6.720.000	6.720.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	67.200.000.000	67.200.000.000

Đã được phát hành và góp vốn đầu:

Số lượng - cổ phần	6.720.000	6.720.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	67.200.000.000	67.200.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Các cổ phần này không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ <u>VND</u>	Lỗ lũy kế <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Số dư tại ngày 1/1/2008	13.570.320.000	(1.688.688.333)	11.881.631.667
Vốn đã góp trong năm	53.629.680.000	-	53.629.680.000
Lỗ trong năm	-	(4.472.404.214)	(4.472.404.214)
Số dư tại ngày 31/12/2008	67.200.000.000	(6.161.092.547)	61.038.907.453
Lợi nhuận trong năm	-	12.231.765.752	12.231.765.752
Số dư tại ngày 31/12/2009	67.200.000.000	6.070.673.205	73.270.673.205

Chi tiết góp vốn của các cổ đông của Công ty như sau:

	Theo Giấy Chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>31/12/2009</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2008</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm dầu khí	18.144.000.000	27	18.144.000.000	18.144.000.000
IEV Energy SDN.BHD	8.064.000.000	12	8.064.000.000	8.064.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam	-		-	22.864.500.000
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	22.864.500.000	34	22.864.500.000	-
Các cổ đông khác	18.127.500.000	27	18.127.500.000	18.127.500.000
Tổng	67.200.000.000	100	67.200.000.000	67.200.000.000

Ngày 24 tháng 9 năm 2009, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chấp thuận việc chuyển nhượng tất cả quyền sở hữu từ Tổng Công ty Khí Việt Nam sang Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam theo Thông báo số 7426/TB-DKVN. Việc chuyển nhượng này đã được Ban Quản lý các Khu Công Nghiệp Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu chấp thuận theo Giấy phép đầu tư điều chỉnh ngày 14 tháng 12 năm 2009.

MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009 VND	2008 VND
Lãi tiền gửi	2.075.542.326	1.405.063.454
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.062.696	99.925.972
	2.092.605.022	1.504.989.426

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009 VND	2008 VND
Lãi tiền vay	3.685.748.503	1.148.482.417
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	370.664.168	45.000.563
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.103.813	66.852.901
	4.087.516.484	1.260.335.881

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2009		2008	
	Hoạt động kinh doanh VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	10.493.856.865	1.945.130.899	12.438.987.764	(5.071.581.464)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế				
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.331.979)	-	(1.331.979)	(10.796.464)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.802.173.747	-	1.802.173.747	884.926.692
Thu nhập/(lỗ) tính thuế	12.294.698.633	1.945.130.899	14.239.829.532	(4.197.451.268)
Lỗ mang sang	-	(1.945.130.899)	(1.945.130.899)	-
Thuế suất	0%	0%	0%	0%
Chi phí thuế thu nhập hành	-	-	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

- Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa vào cơ sở dữ liệu sau:

	2009 VND	2008 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.231.765.752	(4.472.404.214)
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>6.720.000</u>	<u>6.720.000</u>
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	<u>1,820</u>	<u>(666)</u>

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2009 VND	2008 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.458.285.637</u>	<u>885.007.489</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Trong vòng một năm	1.524.428.680	1.437.366.960
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.362.670.512	848.906.590
Sau năm năm	<u>14.112.225.175</u>	<u>14.893.445.655</u>
	<u>19.999.324.367</u>	<u>17.179.719.205</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất, văn phòng và cơ sở hạ tầng tại Thành phố Vũng Tàu:

- Tổng số tiền thuê 3.200 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 1,4 đô la Mỹ/m². Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 40 năm tính từ ngày 1 tháng 8 năm 2007.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 35I, Đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu với giá thuê hàng tháng là 2.500 đô la Mỹ trong năm đầu tiên (từ ngày 20 tháng 12 năm 2008 đến ngày 20 tháng 12 năm 2009) và 2.750 đô la Mỹ trong năm thứ 2 và năm thứ 3 (từ ngày 21 tháng 12 năm 2009 đến ngày 20 tháng 12 năm 2011).
- Tổng số tiền thuê cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng tháng là 71.000.000 đồng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 20 năm tính từ ngày 7 tháng 5 năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2009 VND	2008 VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp	<u>32.856.664.100</u>	<u>3.860.394.054</u>
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	-	8.352.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam	-	22.864.500.000
IEV Energy SDN.BHD	-	5.629.680.000
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp	-	3.360.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	-	6.720.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	-	5.376.000.000
Công đoàn Tổng Công ty Khí Việt Nam	<u>-</u>	<u>1.327.500.000</u>

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2009 VND	2008 VND
Lương	1.812.266.927	1.444.762.421
Thưởng	<u>354.485.060</u>	<u>392.213.033</u>
	<u>2.166.751.987</u>	<u>1.836.975.454</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp	<u>11.331.727.349</u>	<u>1.041.744.012</u>